

LD VIETSOVPEURO
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+BK9+MRM	7:25	4+7+9	0+0+0		2+5+1	0+0+0	
2		BK14+KNT+RC10	7:25	19+1+1	0+0+0		16+0+0	0+0+0	CHUYEN 4 PAX KNT-RC10
3		TD5+CTK3+CLO	9:25	1+12+6	0+0+0		1+12+4	0+0+0	CHUYEN 3 TD5- CLO
4		CTK3+RP2+RC6	9:25	15+7+0	0+0+0		12+2+2	0+0+0	
5		P2+TD2+BK20	11:25	13+7+0	0+0+0		10+10+2	0+0+0	
6		CTK3+P7+CNV	11:25	11+0+10	0+0+0		5+5+7	0+0+0	
7		T.UNG	12:25	13	0		18	0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY BK14-7NG. BK20-ING



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK20 - BK9 - MRM	CREW: HÙNG - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM25/2970	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TRI CHUNG	BK20	04	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ QUANG HIỆP	BK20	08	1	3			65	DK9	Vietnamese
3	NGUYEN HUU HOANG ANH	BK20	01-02.05	3	17			113	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DAT	BK20	06-07	2	16			87	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH QUYET	BK9	94-95	2	14			73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	96	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HUU TRUNG**	BK9	98	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	97	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN CƯỜNG	BK9	24	1	20	1	9	63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH TUẤN (21426)	BK9	88	1	17	2	28	77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TIEN CUONG	BK9	93	1	3			59	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HIỆU	MRM	30-32	3	17			85	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HAI	MRM	29	1	14			81	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN ANH	MRM	23	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN GIANG	MRM	22	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	MRM	25	1	17			83	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC HÀ	MRM	26	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIÊN DŨNG	MRM	27-28	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	MRM	21	1	13			96	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	MRM	24	1	12			98	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	4	321	7	42	0	0	2		
2	BK9	7	492	8	75	3	37	5		
3	MRM	9	754	12	129	0	0	1		
TOTAL		20	1.567	27	246	3	37	8		
WEIGHT KG			1.567		246		37			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK14 - KNT - RC10	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM25/2972		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CÔNG TRINH	BK14						73	KH-THAC	Vietnamese
2	KRAMARENKO V.V	BK14	58	1	3			67	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG VINH	BK14	61	1	4			103	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO HUU HUY TU	BK14						73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIEN HUNG	BK14	54	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KHANG	BK14	56-57	2	12			79	KH-THAC	Vietnamese
7	POPOV A.A	BK14	60	1	3			77	KH-THAC	Russian
8	SYSTEROV R.IU.	BK14	59	1	3			79	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN VĂN LÂM	BK14	58	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14						82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN GIA KINH	BK14	51	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUƠNG	BK14	55	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
13	VU ĐÌNH HUY	BK14	50	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	BK14	49	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG ĐÌNH SÂM	BK14	53	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRỌNG NGHĨA	BK14	95	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
17	TUƠNG ANH CẠC	BK14	52	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VŨ HUNG	BK14	62	1	19	5	45	79	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG THAI SƠN	KNT	58	1	15	2	11	83	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	RC10	40	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	18	1.333	16	100	5	45	16		
2	KNT	1	83	1	15	2	11	0	CHUYEN 4 PAX KNT-RC10	
3	RC10	1	55	1	6	0	0	0		
TOTAL		20	1.471	18	121	7	56	16		
WEIGHT KG			1.471		121		56			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD5 - CTK3 - CLO	CREW: HUNG - MTHAO - MQUAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/2974	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE TRONG NGHIA	TD5	03	1	14	2	35	84	KHOAN	Vietnamese
2	DOAN QUANG CHUNG	CTK3	30	1	9	4	60	75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI KHAC PHONG	CTK3	25	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
4	HA MINH GIANG	CTK3	32	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM XUAN HOA	CTK3	26-27	2	12			77	YTE	Vietnamese
6	PHAM HONG SON	CTK3	29	1	13			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HAI	CTK3	31	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU LUU	CTK3	35	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM DUC KIEM	CTK3	24	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRONG VO	CTK3	33	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRI TIN	CTK3	41	1	5			80	SBAY	Vietnamese
12	PHAM QUANG THAI	CTK3	88	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRAN DUC MINH	CTK3	93	1	2	2	25	80	KH-THC	Vietnamese
14	HOANG DINH QUANG	CTK3	84-85	2	13			90	KH-THC	Vietnamese
15	PHAM MANH HUNG	CLO	94-95	2	18			58	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DINH BAO	CLO	93	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUNG	CLO	91	1	11			66	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HAM HA	CLO	92	1	7			64	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TIEN	CLO	90	1	5			67	DVL	Vietnamese
20	DO VAN THAI	CLO	89	1	15			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	1	84	1	14	2	35	1 + 3	CHUYEN 3 PAX TD5-CLO	
2	CTK3	13	1.006	15	98	6	85	12	+1NB CTK3 VE GHE PHU	
3	CLO	6	392	7	65	0	0	4		
TOTAL		20	1.482	23	177	8	120	17		
WEIGHT KG			1.482		177		120			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - RP2 - RC6	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/2971	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN DÂN	CTK3	83	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
2	CU XUAN HUY	CTK3	34	1	8			62	HLJOC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	600	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	96	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH QUANG	CTK3	99	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOÀNG	CTK3						87	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TRUNG KIÊN	CTK3	90	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGHĨA TIN	CTK3	89	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3						86	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	94	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRONG KIM	CTK3	28	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	95	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN BAC	CTK3	36	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM BÁ HOÀNG	CTK3	86-87	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THƯƠNG	CTK3	97-98	2	18			59	NAM TIEN	Vietnamese
16	BUI MẠNH PHÚC	RP2	500	1	5	1	20	75	KHOAN	Vietnamese
17	LƯƠNG THẾ HIỀN	RP2	95-96	2	13			86	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP2	93	1	10			59	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LONG	RP2	92	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	RP2	91	1	15			89	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG MẠNH CƯỜNG	RP2	94	1	14	2	18	69	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÌNH QUANG THAI	RP2	97	1	5			77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	15	1.087	15	103	0	0	12		
2	RP2	7	519	8	75	3	38	2		
3	RC6	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.606	23	178	3	38	16		
WEIGHT KG			1.606		178		38			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
B.CARD: CAM-4	TO:CTK3 - CNV - P7	CREW: VTHẮNG - N.ANH - DTÙNG	ETA: 15:45
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM25/2975		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ KHỜ LAI	CTK3	72	1	15	1	15	84	NAM TIEN	Vietnamese
2	PHẠM QUANG CHUNG	CTK3	81	1	16	1	9	54	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN CUONG	CTK3	79-80	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HUNG	CTK3	75	1	10			53	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN ANH	CTK3	70	1	7	1	16	47	XAYLAP	Vietnamese
6	CAO VAN HUYEN	CTK3	76	1	16			79	XAYLAP	Vietnamese
7	HA VAN ĐỨC	CTK3	73-74	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀN CÔNG VIÊN	CTK3	68	1	11	1	12	74	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN	CTK3	65	1	8	2	28	78	NIPI	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HOANG	CTK3	66	1	7			69	NIPI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	77-78	2	16			57	BIENDONG	Vietnamese
12	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	14	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN THAI	CNV	19-20	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG DUY	CNV	10	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ĐOÀN	CNV	13	1	7			50	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HẢO	CNV	11	1	4	2	38	66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	12	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU QUANG ĐẠT	CNV	15	1	12			71	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN ĐƯƠNG	CNV	17	1	13	1	11	66	CODIEN	Vietnamese
20	TRỊNH CÔNG SƠN	CNV	16	1	11			49	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THẠO	CNV	100	1	7			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	11	735	14	142	6	80	5		
2	CNV	10	675	11	84	3	49	7		
3	P7	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	1.410	25	226	9	129	20		
WEIGHT KG			1.410		226		129			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: XANH-3	TO: T.UNG(+1H)	CREW: HHAI - XTRƯỜNG - NGHĨA	ETA: 15:30
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/2964	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUANG HUY	T.UNG	96	1	5			92	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HOAN	T.UNG	92-93	2	17			97	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	T.UNG	04	1	8	1	6	63	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN NAM HAI	T.UNG	13	1	6	8	133	80	DVL	Vietnamese
5	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	T.UNG	03	1	7			77	DVL	Vietnamese
6	PHẦN TRƯỜNG GIANG	T.UNG	94-95	2	10			73	DVL	Vietnamese
7	HOÀNG GIANG LAM	T.UNG	90	1	6			76	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN QUÂN	T.UNG	89	1	6			72	PSV	Vietnamese
9	NGÔ KHÁC VIỆT	T.UNG	97-98	2	16			66	SCHLUM	Vietnamese
10	CHAN NYEIN YAR	T.UNG	01-02	2	14			79	SCHLUM	Myanmar
11	CHAN LIAN MANG	T.UNG	99,900	2	12			77	SCHLUM	Myanmar
12	PHẠM DUY CHUNG	T.UNG	91	1	5			66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	T.UNG	12	918	17	112	9	139	16	TATMAY 1H00
TOTAL		12	918	17	112	9	139	16	
WEIGHT KG			918		112		139		

GRAND TOTAL: 1.169 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI
HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
B.CARD: NAU-3	TO: P2 - TD2 - BK20	CREW: VTHANG - N.ANH - DTUNG	ETA: 13:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/2973	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAI ANH TUAN	P2	60	1	14			104	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG LINH	P2	48	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH BINH	P2	56	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUNG	P2	59	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
5	TA VAN CUONG	P2	43-44	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN MANH LINH	P2	45	1	17	2	30	75	XAYLAP	Vietnamese
7	LE PHUONG VIET ANH	P2	49-50	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VIET HUNG	P2	54-55	2	19			83	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUU CHINH	P2	52	1	10	1	11	64	XAYLAP	Vietnamese
10	LE NGOC ANH	P2	51	1	17			92	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LONG	P2	41	1	10	1	11	72	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN PHUONG	P2	57-58	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN DUC QUY	P2	46-47	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
14	LE XUAN THANG	TD2	33-34	2	19			79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MINH PHUC	TD2				3	25	68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THE DUNG	TD2	32	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VINH TINH	TD2	28-29	2	12			52	KHOAN	Vietnamese
18	BUI XUAN CUONG	TD2	27	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
19	DOAN VAN TRUONG	TD2	30-31	2	9			71	KHOAN	Vietnamese
20	CHAU HUNG HUY	TD2	25	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH TUNG TAI	TD2	26	1	10			68	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	13	966	18	185	4	52	10		
2	TD2	8	538	10	84	3	25	10		
3	BK20	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.504	28	269	7	77	22		
WEIGHT KG			1.504		269		77			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

NGO VAN THANG
 NGHIEM VIET ANH